

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99 /2020/HNGĐ - ST

Ngày: 28 - 8 - 2020

V/v: Ly hôn giữa

chị N và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thế Quang;

Ông Nguyễn Hồng Minh.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2020/TLST – HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử **số 34/2020/QĐXXST – HNGĐ**, ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm X, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm X, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Hiện đang bị tạm giam tại Công an huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

(Chị N có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 7 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 09/7/2010. Anh chị chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy. Gia đình đã đưa anh đi cai nghiện nhưng khi về anh lại tiếp tục tái nghiện. Hiện nay anh đang bị Công an huyện Giao Thủy bắt do phạm tội liên quan đến ma túy. Chị xác định anh chị không thể tiếp tục chung sống được nữa nên xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh S sinh ngày 31/01/2012 và Nguyễn Việt T sinh ngày 12/6/2013. Hiện hai con đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nuôi cả hai con, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn văn T đã có lời khai là anh và chị N kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã X ngày 09/7/2010. Vợ chồng không có gì mâu thuẫn lớn. Kho chị N sinh con thứ hai anh đã theo bạn bè nghiện ma túy, đã cai nghiện tại Xuân Trường. Ngày 10/6/2020 anh đi bắt cáy tại Giao Tiến thì có người nhờ anh mua hộ ma túy nên anh bị bắt. Nay chị N xin ly hôn anh nhất trí. Về con chung anh và chị N đã có hai con chung, khi ly hôn anh đồng ý cho chị N nuôi con vì anh sẽ bị đi cải tạo lâu, kinh tế anh không có nên anh xin không cấp dưỡng nuôi con, khi nào về anh sẽ có trách nhiệm với các con sau. Về tài sản, công nợ anh không yêu cầu Tòa giải quyết. Do anh đang bị tạm giam, anh cũng đã nhận được bản sao tài liệu chị Nguyệt xin ly hôn anh nên anh đề nghị được vắng mặt tại phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải, xin vắng mặt khi Tòa án mở phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Văn T; đề nghị giao con chung là Nguyễn Thanh S sinh ngày 31/01/2012 và Nguyễn Việt T sinh ngày 12/6/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt anh, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X nên là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy, cai nghiện nhưng lại tái nghiện dẫn đến bị bắt giam. Nay chị N xin ly hôn, anh T có lời khai nhất trí ly hôn chị N. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh S sinh ngày 31/01/2012 và Nguyễn Việt T sinh ngày 12/6/2013. Hiện hai con đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nuôi cả hai con, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung cho chị ; các con đều có nguyện vọng ở với chị, anh T cũng nhất trí. Xét nguyện vọng của chị N và các con không trái đạo đức xã hội và phù hợp với pháp luật, anh T thì đang bị tạm giam nên giao con chung cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thanh S sinh ngày 31/01/2012 và Nguyễn Việt T sinh ngày 12/6/2013 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số **0001790** ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

4. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh